



CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số 249/QĐ-TTĐDNCC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Trung tâm điều dưỡng NCC tỉnh Nam Định)

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở , hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà												Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (nghìn đồng)	Hiện trạng trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng)			Hiện trạng sử dụng đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Hoạt động sự nghiệp								Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
				Trụ sở làm việc	Khôn g kinh doanh	Kinh doanh h	Cho thuê	Liên doanh , liên kết	Sử dụng khác							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14		16	17	18	19	20	21	22
1	Nhà điều dưỡng 1 tầng 8 phòng									3/2019	470	155.274.702	155.274.702	931.648.212	x	x						
2	Nhà ăn kết hợp thư viện- Hải Xuân									11/2024	675	177.406.400	177.406.400	177.406.400	x	x						
3	Nhà chăm sóc nuôi dưỡng, nuôi dưỡng 2 tầng (nhà số 5)- Hải Xuân									11/2024	4345	1.134.356.160	1.134.356.160	1.134.356.160	x	x						
4	Nhà hành chính									1/2015	660	203.550.282	203.550.282	1.414.300.044	x	x						
5	Nhà điều dưỡng số 04									10/2006	805	320.618.800	320.618.800	3.659.592.513	x	x						
6	Nhà điều dưỡng số 02									10/2005	840	288.196.906	288.196.906	2.687.501.754	x	x						
7	Nhà điều dưỡng số 03									10/2006	840	7.437.625.149	297.505.006	2.808.507.054	x	x						
8	Nhà làm việc hành chính									10/2006	650	2.977.504.000	119.100.160	2.245.311.540	x	x						
9	Nhà nghỉ trực cán bộ									10/2006	160	1.482.566.598	59.302.664	665.018.870	x	x						
10	Nhà tiếp nhận, y tế, tư vấn 2 tầng (Nhà số 6)									11/2024	605	4.093.435.000	163.737.400	163.737.400	x	x						
11	Nhà điều dưỡng số 01									10/2006	1140	10.697.591.572	427.903.663	4.147.374.889	x	x						
12	Bể nước cứu hỏa + nhà đặt máy bơm - Hải Xuân									11/2024	140	397.548.000	25.840.620	25.840.620	x	x						
13	Bể xử lý nước thải (nhà số 14)- Hải Xuân									11/2024	77	1.056.208.000	68.653.520	68.653.520	x	x						
14	Nhà ăn									10/2010	460	3.497.327.735	233.271.760	2.093.926.846	x	x						
15	Nhà thường trực, cổng chính									10/2011	20	870.946.001	58.092.098	567.566.733	x	x						
16	Nhà cầu nối 2 tầng (nhà số 10) - Hải Xuân									11/2024	22	369.015.000	23.985.975	23.985.975	x	x						

